

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

28-TỈNH QUẢNG TRỊ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	28.01.04	Toán	26.000	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
2	28.01.02	Toán	20.500	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
3	28.01.01	Toán	25.000	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
4	28.01.09	Toán	17.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
5	28.01.10	Toán	17.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
6	28.01.03	Toán	19.500	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
7	28.01.13	Toán	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
8	28.01.17	Toán	26.500	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
9	28.01.07	Toán	21.000	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
10	28.01.08	Toán	18.500	Ba	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
11	28.01.06	Toán	15.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
12	28.01.11	Toán	14.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
13	28.01.16	Toán	14.500	K.Khích	12	THPT Đào Duy Từ
14	28.02.08	Vật lí	19.750	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
15	28.02.17	Vật lí	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
16	28.02.03	Vật lí	21.500	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
17	28.02.20	Vật lí	13.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
18	28.02.12	Vật lí	12.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
19	28.02.10	Vật lí	13.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
20	28.02.19	Vật lí	13.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
21	28.02.05	Vật lí	14.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
22	28.03.07	Hoá học	21.750	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
23	28.03.03	Hoá học	18.625	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
24	28.03.17	Hoá học	22.750	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
25	28.03.14	Hoá học	24.125	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
26	28.03.04	Hoá học	19.125	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
27	28.03.06	Hoá học	22.625	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
28	28.03.05	Hoá học	21.125	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

28-TỈNH QUẢNG TRỊ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	28.03.18	Hoá học	16.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
30	28.03.12	Hoá học	23.375	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
31	28.03.16	Hoá học	21.875	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
32	28.03.08	Hoá học	19.875	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
33	28.03.13	Hoá học	20.750	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
34	28.03.15	Hoá học	14.875	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
35	28.04.18	Sinh học	20.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
36	28.04.04	Sinh học	23.000	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
37	28.04.08	Sinh học	19.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
38	28.04.03	Sinh học	19.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
39	28.04.05	Sinh học	19.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
40	28.04.11	Sinh học	18.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
41	28.05.16	Tin học	23.108	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
42	28.05.18	Tin học	16.050	K.Khích	12	THPT Quảng Trị
43	28.05.14	Tin học	18.800	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
44	28.05.01	Tin học	21.780	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
45	28.05.17	Tin học	24.260	Nhì	12	THPT Hải Lăng
46	28.05.09	Tin học	16.598	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
47	28.05.20	Tin học	18.920	Ba	12	THPT Hướng Hóa
48	28.05.11	Tin học	14.280	K.Khích	10	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
49	28.05.12	Tin học	17.590	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
50	28.05.10	Tin học	16.142	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
51	28.05.08	Tin học	18.560	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
52	28.05.04	Tin học	17.120	Ba	12	THPT Lệ Thủy
53	28.05.15	Tin học	16.418	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
54	28.05.06	Tin học	23.004	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
55	28.05.05	Tin học	16.300	K.Khích	11	THPT Lệ Thủy
56	28.06.01	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

28-TỈNH QUẢNG TRỊ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	28.06.13	Ngữ văn	12.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
58	28.06.06	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
59	28.06.02	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
60	28.06.17	Ngữ văn	12.750	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
61	28.06.07	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
62	28.06.03	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
63	28.06.20	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
64	28.06.09	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
65	28.06.16	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
66	28.06.12	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
67	28.06.08	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
68	28.06.11	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
69	28.07.05	Lịch sử	15.750	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
70	28.07.17	Lịch sử	16.500	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
71	28.07.10	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
72	28.07.04	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT Cam Lộ
73	28.07.16	Lịch sử	16.250	Nhì	12	THPT Triệu Phong
74	28.07.18	Lịch sử	17.250	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
75	28.07.19	Lịch sử	15.250	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
76	28.07.06	Lịch sử	16.500	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
77	28.07.08	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
78	28.07.03	Lịch sử	16.750	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
79	28.07.09	Lịch sử	17.250	Nhì	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
80	28.07.15	Lịch sử	15.250	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
81	28.07.20	Lịch sử	16.750	Nhì	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
82	28.07.14	Lịch sử	15.250	Ba	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
83	28.08.06	Địa lí	15.250	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
84	28.08.12	Địa lí	15.500	Nhì	12	THPT Gio Linh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

28-TỈNH QUẢNG TRỊ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
85	28.08.02	Địa lí	14.750	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
86	28.08.07	Địa lí	14.750	Ba	12	THPT Quảng Trị
87	28.08.05	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
88	28.08.03	Địa lí	15.250	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
89	28.08.04	Địa lí	14.250	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
90	28.08.13	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
91	28.08.15	Địa lí	13.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
92	28.08.17	Địa lí	14.000	K.Khích	12	THCS&THPT Bến Hải
93	28.08.08	Địa lí	15.750	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
94	28.08.19	Địa lí	15.000	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
95	28.08.16	Địa lí	16.250	Nhất	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
96	28.08.10	Địa lí	15.250	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
97	28.08.11	Địa lí	14.250	Ba	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
98	28.08.01	Địa lí	14.500	Ba	11	THPT Lê Quý Đôn
99	28.08.14	Địa lí	15.250	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
100	28.08.18	Địa lí	16.000	Nhì	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
101	28.08.09	Địa lí	16.000	Nhì	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
102	28.08.20	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp

Danh sách này gồm 102 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

28-TỈNH QUẢNG TRỊ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	28.09.18	Tiếng Anh	3.60	3.30	5.30	1.40	13.600	K.Khích	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
2	28.09.16	Tiếng Anh	3.30	3.40	4.80	1.10	12.600	K.Khích	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
3	28.09.10	Tiếng Anh	3.40	3.60	4.30	1.40	12.700	K.Khích	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
4	28.09.06	Tiếng Anh	3.60	2.70	5.50	1.50	13.300	K.Khích	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
5	28.09.02	Tiếng Anh	3.80	4	5.70	1.20	14.700	Nhì	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
6	28.09.04	Tiếng Anh	3.80	3.80	5.90	1.50	15.000	Nhì	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
7	28.09.13	Tiếng Anh	3.50	3.90	4.90	1.20	13.500	K.Khích	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
8	28.09.12	Tiếng Anh	3.60	3.80	5.90	1.20	14.500	Nhì	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
9	28.09.01	Tiếng Anh	3.60	3.30	4.80	1.40	13.100	K.Khích	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
10	28.09.03	Tiếng Anh	3.40	3.50	4.70	1.30	12.900	K.Khích	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
11	28.09.05	Tiếng Anh	3.40	3.80	4.70	1.20	13.100	K.Khích	THPT Lê Quý Đôn
12	28.09.14	Tiếng Anh	3.30	3.20	5.20	1.50	13.200	K.Khích	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp

Danh sách này gồm 12 thí sinh